

Bản án số: 35/2025/HS-ST
Ngày 10 - 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tiến Khoa, Dương Ánh Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Lê Thúy Nga - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Âu Như Quỳnh, ông Đỗ Tuấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2025/TLST-HS ngày 26/4/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HS ngày 16/5/2025 đối với bị cáo:

Lò Thị H, sinh ngày 16/01/1993 tại xã T, huyện T, tỉnh L; số Căn cước công dân: 012193005259, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 28/3/2023; nơi ĐKKHTT: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H, sinh năm 1966 và bà Lò Thị D, sinh năm 1964; chồng là Tòng Văn K, sinh năm 1990; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015;

*** Tiền án:** Không;

*** Tiền sự:** Ngày 04/9/2024, bị cáo bị Đoàn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế L - BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh L xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt tiền 3.000.000đ về hành vi qua lại biên giới Quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định của pháp luật, cùng ngày 04/9/2024 bị cáo đã thi hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/3/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; **có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian từ khoảng tháng 3/2024 đến tháng 10/2024, Lò Thị H, sinh năm 1993, trú tại Bản N, xã T, huyện T, tỉnh L đã 02 lần thực hiện hành vi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 03/2024, qua mạng xã hội Zalo H quen một người phụ nữ tên là L (*không biết họ tên và địa chỉ*), L tự giới thiệu là người tỉnh L, hiện đang lấy chồng và sinh sống bên Trung Quốc (*không biết địa chỉ*). Qua tâm sự nói chuyện, biết H có nhu cầu muốn sang Trung Quốc tìm việc làm nên L nói nếu muốn sang Trung Quốc làm công việc chặt mía thì được 200NDT/1 ngày, nếu đi thì L sẽ giới thiệu người đón đi chui (*tức là xuất cảnh trái phép*). H hỏi đi chui thì hết bao nhiêu tiền và nói không có tiền, L nói hết 2.000NDT, nếu đi thì L sẽ trả trước cho, sang làm việc có tiền thì trả lại sau, H đồng ý.

Khoảng một tuần sau, H gọi Zalo cho L, nói muốn đi Trung Quốc làm thuê. L hướng dẫn H bắt xe lên bến xe B, tỉnh L sẽ có người đón. Sáng hôm sau, H từ nhà bắt xe khách (*không biết tên nhà xe, biển số*) đến bến xe B, tỉnh L. Khi đến bến xe, H gửi vị trí cho L, một lúc sau có một người đàn ông đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang, nói tiếng phổ thông bị ngọng (*không biết là ai*). Người đàn ông hỏi H có phải người quen của L không, H nói phải, rồi người đó bảo H lên xe máy, màu xanh, nhãn hiệu Honda, số loại Wave (*không nhớ biển số*). Người đàn ông đưa H đến địa phận huyện H, tỉnh H (*H biết do có cột tiêu chỉ đường*), đến khu vực hẻo lánh, không có nhà dân. Khoảng 20 giờ 00, người đàn ông dừng xe và bảo H xuống đi bộ, người đàn ông cất xe máy bên đường rồi dẫn H đi xuyên qua rừng. Trên đường đi, H có xin địa chỉ Wechat của người đàn ông với mục đích sau này quay về Việt Nam sẽ liên lạc nhờ đón đưa về. Người đàn ông đồng ý và cho H địa chỉ Wechat (*không nhớ địa chỉ Wechat*). Đi bộ khoảng 2 giờ, quá trình đi sử dụng ánh sáng màn hình điện thoại để đi xuyên qua rừng. Đến khu vực hàng rào biên giới, người đàn ông kéo chân hàng rào ra hai bên rồi cùng H chui qua, sau đó đi tiếp khoảng 2km, đến gần bờ suối, người đó bảo H tự đi qua bờ suối sang bên kia sẽ có người Trung Quốc đón. H đi tiếp qua suối, còn người đàn ông đi đâu H không rõ. H thấy có một người sử dụng ánh sáng điện thoại làm tín hiệu; đi đến gần thì thấy một người đàn ông nói tiếng Trung Quốc (*sau này H tự học tiếng Trung Quốc*), vậy H đi theo, đi bộ khoảng 500m thì ra tới đường nhựa thì thấy có một xe ô tô màu trắng, loại 4 chỗ (*không biết chủng loại, biển số*) đang đỗ bên đường (*trên xe không có ai*). Người đàn ông chỉ H lên xe ngồi hàng ghế sau, sau đó điều khiển xe đi khoảng 6 giờ đồng hồ thì đến một ngôi nhà (*không rõ địa chỉ*) rồi dừng xe bảo H xuống. H xuống xe rồi người đó điều khiển xe đi đâu H không rõ. Có một người đàn ông, (*sau này H biết là ông chủ*) thuê H làm, bảo H vào nhà nghỉ ngơi, hôm sau đi chặt mía, tiền công trả 200NDT/1 ngày. H làm ở đó 03 tháng và tiết kiệm được 2.000NDT từ việc chặt mía, H đã trả cho L qua Wechat, qua nói chuyện H chỉ biết chỗ ở đó là Mông Tinh, Trung Quốc. Quá trình làm việc ở đó H có quen và phát sinh tình cảm với một người đàn ông tên Hoáng Cổ M, khoảng 40 tuổi, sinh sống gần chỗ làm việc. Cả hai trao đổi qua lại bằng Wechat (*không nhớ địa chỉ Wechat*). Đến ngày 16/7/2024, H bị Công an Trung Quốc bắt vì không có giấy tờ, sau đó trao trả về Việt Nam vào ngày 04/9/2024. Sau khi được tiếp nhận, Đoàn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế L đã mời làm việc và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định. H đã nộp phạt số tiền 3.000.000đ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32.

Lần thứ hai: Sau khi về nhà, H và M thường xuyên liên lạc với nhau. Do đã ly thân với chồng là anh Tòng Văn Khê, sinh năm 1990, trú tại Bản N, xã T, huyện T, tỉnh L nên H muốn sang Trung Quốc sinh sống với M. M nói với H, tìm người đưa sang Trung Quốc thì M sẽ trả tiền xe. Ngày 01/10/2024, H gọi điện qua Wechat cho người đàn ông đi xe máy, màu xanh, nhãn hiệu Honda, số loại Wave lần trước đón tại bến xe B. Cả hai thống nhất đón H ở bến xe B, tỉnh L và đưa sang Trung Quốc như lần trước với mức tiền công là 2.000NDT, H gửi mã Wechat của người đó cho M để M chuyển trả tiền công đón H,

Sáng ngày 02/10/2024, H nhờ anh trai là Lò Văn Ngợi, sinh năm 1987, trú tại Bản N, xã T, huyện T, tỉnh L chở H bằng xe máy đưa ra ngã ba xã T để đón xe (*H không nói cho anh trai biết đi đâu và làm gì*). H bắt xe đến bến xe thành phố L rồi tiếp tục bắt xe khách đi bến xe B, tỉnh L. Đến nơi, H gọi Wechat cho người đàn ông đi xe máy đón. Sau đó hai người di chuyển đến huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang vào khoảng 20 giờ 00 rồi chui qua hàng rào và đi thêm 2km như lần trước, sau đó người đàn ông đi đâu H không rõ. H lội qua suối và được một người đàn ông là người đón lần trước, dẫn ra xe ô tô 4 chỗ màu trắng, đi khoảng 2 giờ rồi dừng xe. H hỏi bằng tiếng Trung Quốc (*tự học*) đây là đâu thì người đàn ông nói là Văn Sơn, Trung Quốc. H xin số điện thoại của người đó để khi nào về Việt Nam sẽ gọi, được người đó cho số: 8615025222188, H lưu vào điện thoại có tên là "*Anh Đón Người Ben Trung Quốc*". Sau đó H gọi Wechat cho M bảo đón ở Văn Sơn, một lúc sau, có 01 xe ô tô màu đen, loại 04 chỗ (*không nhớ chủng loại, biển số*) đón và đưa H về nhà của M tại Mông Tinh. H ở nhà M đến ngày 31/12/2024 thì bị Công an Trung Quốc bắt và trao trả về Việt Nam vào ngày 25/02/2025 qua Cửa khẩu Quốc tế L.

Cáo trạng số 16/CT-VKSHG-P1 ngày 25/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Lò Thị H về tội "*Vi phạm quy định về xuất cảnh*" theo quy định tại Điều 347 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lò Thị H. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Thị H phạm tội "*Vi phạm quy định về xuất cảnh*".

- Về hình phạt: Áp dụng Điều 347 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Thị H từ 06 (*sáu*) đến 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (*ngày 05/3/2025*).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46 Bộ luật Hình sự, đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại máy 11, màu xanh ngọc, màn hình cảm ứng mặt trước màu đen, có số IMEI 1: 354396700428315; IMEI2: 354396700061322, đã cũ đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy. Bên trong máy lắp 01 thẻ

sim trên sim có chữ nước ngoài và dãy số 8986032394883110254C là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra, bị cáo không có khiếu nại, không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi, tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị H đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố (*bút lục từ 59 đến 83*), cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Thời gian từ tháng 3 đến tháng 10/2024, bị cáo Lò Thị H đã hai lần xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê (*Chui qua hàng rào*). *Lần thứ nhất*: Vào tháng 3/2024, qua mạng xã hội zalo, H được một người phụ nữ tên là L giới thiệu đã lấy chồng và sinh sống bên Trung Quốc, qua trao đổi biết H muốn sang Trung Quốc làm thuê nên đã hướng dẫn H nếu đi thì L sẽ giới thiệu người đón đi chui (*tức là xuất cảnh trái phép*). Bị cáo H nhất trí và đi theo chỉ dẫn của L qua nhiều đoạn đường đến nơi làm thuê được một thời gian. Ngày 16/7/2024, H bị Công an Trung Quốc bắt vì không có giấy tờ, sau đó trao trả về Việt Nam vào ngày 04/9/2024. Sau khi được tiếp nhận, Đoàn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định. *Lần thứ hai*: Ngày 02/10/2024, H tiếp tục đón xe lên bến xe thành phố L rồi bắt xe khách đi bến xe B, tỉnh L. Đến nơi, H gọi Wechat cho người đàn ông lần trước đã đón H, sau đó hai người di chuyển đến huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang, khi đó khoảng 20 giờ 00 và chui qua hàng rào rồi đi thêm 2km như lần trước, rồi người đàn ông đi đâu không rõ. H lội qua suối và được một người đàn ông là người đón lần trước, dẫn ra xe ô tô 4 chỗ màu trắng, đi khoảng 2 giờ rồi dừng xe. H hỏi bằng tiếng Trung Quốc đây là đâu thì người đàn ông nói là Văn Sơn, Trung Quốc. H xin số điện thoại của người đó để khi nào về Việt Nam sẽ gọi, được người đó cho số 8615025222188, H lưu vào điện thoại có tên là "*Anh Đón Người bên Trung Quốc*". H gọi Wechat cho bạn trai tên là M (*H quen trước đó*) bảo đón ở Văn Sơn, một lúc sau, có 01 xe ô tô màu đen, loại 04 chỗ (*không nhớ chủng loại, biển số*) đón và đưa H về nhà của M tại Mông Tinh. H ở nhà M đến ngày 31/12/2024 thì bị Công an Trung Quốc bắt và trao trả về Việt Nam vào ngày 25/02/2025 qua Cửa khẩu Quốc tế L. Do đó, hành vi của bị cáo Lò Thị H đủ yếu tố cấu thành tội "*Vi phạm quy định*

về xuất cảnh" theo quy định tại Điều 347 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Lò Thị H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái với pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Cụ thể, ngày 04/9/2024, bị cáo bị Đoàn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế L - BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh L xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt tiền 3.000.000đ về hành vi qua lại biên giới Quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định của pháp luật, sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính chưa đầy một tháng, bị cáo tiếp tục xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua con đường tiểu ngạch, điều đó thể hiện bị cáo là người bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo, đồng thời có ý nghĩa răn đe phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh, ngăn chặn, phòng chống tội phạm tại địa phương.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số, sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46 Bộ luật Hình sự, để xử lý vật chứng như sau: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại máy 11, màu xanh ngọc, màn hình cảm ứng mặt trước màu đen, có số IMEI 1: 354396700428315; IMEI2: 354396700061322, đã cũ đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy. Bên trong máy lắp 01 thẻ sim trên sim có chữ nước ngoài và dãy số 8986032394883110254C là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo Lò Thị H là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Đối với người phụ nữ tên là L và người đàn ông đón tại bến xe B, tỉnh L là các đối tượng cầm đầu, chủ mưu, có thủ đoạn tinh vi trong việc thực hiện hành vi phạm tội (*không cho bị cáo biết địa chỉ, họ tên cũng như nguy trang đội mũ, đeo khẩu trang trong quá trình gặp gỡ*). Cơ quan điều tra tiếp tục phối hợp với các lực lượng chức năng điều tra, xác M làm rõ và xử lý khi có căn cứ. Đối với người đàn ông lái xe ô tô cung cấp cho bị cáo H số điện thoại +8615025222188 và Hoáng Cố M (*bạn trai của bị cáo Lò Thị H*). Quá trình điều tra xác định số thuê bao có mã "86" là mã điện thoại quốc tế của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Đồng thời qua lời khai của bị cáo, xác định Hoáng Cố M đang sinh sống và làm việc tại Trung Quốc. Cơ quan điều tra đã phối hợp với các đơn vị có chức năng gửi Hàm thư đề

nghị phía Công an Trung Quốc xác M, làm rõ để xử lý các đối tượng theo pháp luật Trung Quốc. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý, giải quyết trong vụ án này là có căn cứ.

[9]. Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Thị H phạm tội "*Vi phạm quy định về xuất cảnh*".

2. Về hình phạt: Áp dụng Điều 347; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lò Thị H** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 05/3/2025).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại máy 11, màu xanh ngọc, màn hình cảm ứng mặt trước màu đen, có số IMEI 1: 354396700428315; IMEI2: 354396700061322, đã cũ đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy. Bên trong máy lắp 01 thẻ sim trên sim có chữ nước ngoài và dãy số 8986032394883110254C.

(Như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2025 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Thị H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thi hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC02, PV06, PA09 Công an t.Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang.
- Trại tạm giam Công an t.Hà Giang;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP, PKTNV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thu Hà

